

Xác định hàng hóa, dịch vụ chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2007-2010, tầm nhìn đến 2020

Th.S Nguyễn Hồng Gấm

1. GIỚI THIỆU

Quá trình hội nhập quốc tế đã tạo ra nhiều cơ hội để TP. Cần Thơ phát huy lợi thế, tiềm năng cũng như tiếp cận với các nguồn lực từ bên ngoài như tài chính, công nghệ, kinh nghiệm quản lý kinh doanh. Bên cạnh đó, chính quá trình hội nhập quốc tế cũng tạo ra không ít những khó khăn, thử thách làm hạn chế những nỗ lực phát triển của TP. Cần Thơ trong thời gian qua. Thực tế đã cho thấy, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế của TP. Cần Thơ đạt và duy trì ở mức khá cao nhưng nhiều lĩnh vực sản xuất kinh doanh không ổn định và luôn tiềm ẩn nhiều rủi ro; những kết quả đạt được thời gian qua của TP. Cần Thơ là đáng ghi nhận, nhưng nếu so với tầm vóc của một thành phố loại một trực thuộc Trung ương, đồng thời là thành phố động lực phát triển của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thì vẫn còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân sâu xa của vấn đề là thiếu qui hoạch và chính sách đầu tư tập trung cho sản phẩm chủ lực để làm mũi đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế của địa phương. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là phải xác định được đâu là sản phẩm chủ lực, là thế mạnh cạnh tranh có thể phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của địa phương; cách thức nào để có thể xác định một cách đúng đắn nhất sản phẩm chủ lực và giải pháp nào để giải quyết tốt vấn đề phát triển bền vững sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ trong môi trường hội nhập quốc tế và cạnh tranh toàn cầu...

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN

2.1. Sản phẩm chủ lực:

Mặc dù hiện nay có nhiều tài liệu nghiên cứu đưa ra khái niệm sản phẩm chủ lực với nội hàm khá khác nhau, nhưng trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, khái niệm sản phẩm chủ lực được hiểu: "Sản phẩm chủ lực của địa phương hay vùng lãnh thổ là sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ chủ yếu, giữ vị trí quan trọng trong việc tạo ra giá trị sản lượng hoặc giá trị gia tăng; có khả năng sản xuất và cung ứng với khối lượng lớn; có năng lực cạnh tranh cao; là trung tâm lan tỏa, lôi kéo các ngành nghề khác cùng phát triển, đồng thời nó còn thể hiện tính đặc thù, mang ý nghĩa văn hóa của một địa phương hay vùng lãnh thổ".

Với nhận thức như vậy, có thể thấy sản phẩm chủ lực có các đặc trưng cơ bản sau: (1) Sản phẩm có qui mô khối lượng lớn và tính đồng nhất cao; (2) Sản phẩm có năng lực cạnh tranh quốc tế; (3) Sản phẩm có sức lan tỏa mạnh; (4) Sản phẩm mang tính đặc thù của địa phương, vùng lãnh thổ và (5) Sản phẩm an toàn và thân thiện với môi trường.

2.2. Phương pháp xác định sản phẩm chủ lực

2.2.1. Xây dựng hệ thống tiêu chí xác định và thang điểm đánh giá, xét chọn

1) *Tiêu chí xác định sản phẩm chủ lực*: là một hoặc một số chỉ tiêu định lượng hoặc định tính mà theo đó, người ta có thể nhận biết được sản phẩm nào có ưu thế trong sản xuất, kinh doanh hoặc cạnh tranh trên thương trường để công nhận là sản phẩm chủ lực.

Hệ thống tiêu chí xác định sản phẩm chủ lực thể hiện đầy đủ yếu tố định tính và yếu tố định lượng; thể hiện rõ điều kiện cần và điều kiện đủ. Đồng thời, hệ thống tiêu chí phải đánh giá đầy đủ các mặt thể hiện đặc thù của sản phẩm chủ lực như: qui mô sản lượng và mức độ tập trung cao; khả năng tăng trưởng tốt và lợi thế cạnh tranh cao ở 3 mức độ: cạnh tranh nội bộ ngành, cạnh tranh trong nước và cạnh tranh quốc tế.

2) *Thang điểm đánh giá, xét chọn sản phẩm chủ lực*: là điểm chuẩn dùng để đánh giá định lượng mức độ mà sản phẩm đạt được ở mỗi tiêu chí cũng như toàn bộ hệ thống tiêu chí. Điểm chuẩn tối đa của hệ thống (điểm toàn phần) có thể chọn theo thang điểm 10, 20, 50 hay 100, tùy điều kiện cụ thể để quyết định. Đối với điểm chuẩn tối đa cho mỗi tiêu chí cần cân nhắc đến yếu tố trọng số, vì mức độ quan trọng của mỗi tiêu chí đều khác nhau trong từng thời kỳ và từng địa phương khác nhau.

2.2.2. Quy trình xác định và phát triển sản phẩm chủ lực

Quy trình xác định và phát triển sản phẩm chủ lực là quy định trình tự các bước với các nội dung, phương pháp thực hiện cụ thể nhằm đánh giá, xét chọn và hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực một cách chính xác, khách quan và khoa học.

Quy trình này có 4 giai đoạn chính gồm: *Giai đoạn chuẩn bị* về thủ tục mang tính pháp lý trên cơ sở phân tích điều kiện thực tế của địa phương; *Giai đoạn thông tin và tiếp nhận đăng ký*: gồm 2 công việc chủ yếu là công bố Chương trình hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực và tiếp nhận đăng ký và sàng lọc đối tượng tham gia chương trình; *Giai đoạn tổ chức đánh giá, xét chọn*: ở giai đoạn này có thể dẫn đến 3 tình huống với 3 phương án giải quyết: công nhận và tôn vinh sản phẩm chủ lực; ra khỏi Danh mục; chuyển sang bước tiếp theo để bổ sung cho sản phẩm có đủ điều kiện và *Giai đoạn công nhận và tôn vinh sản phẩm chủ lực*: UBND các địa phương phê duyệt ra quyết định công nhận sản phẩm chủ lực, đồng thời tôn vinh và công bố, giới thiệu rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng của Trung ương cũng như địa phương.

3. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM CHỦ LỰC TP. CẦN THƠ ĐẾN NĂM 2020

3.1. Xác định sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2007-2010

3.1.1. Tiêu chí xác định và thang điểm đánh giá, xét chọn

Bộ tiêu chí xác định sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ bao gồm 2 hệ thống: Hệ thống xác định hàng hóa chủ lực và Hệ thống xác định dịch vụ chủ lực. Mỗi hệ thống có 2 nhóm, nhóm tiêu chí định lượng và nhóm tiêu chí định tính.

Về điểm chuẩn: Đối với điểm chuẩn chung của nhóm tiêu chí định lượng có tổng điểm chuẩn tối đa là 100 và nhóm tiêu chí định tính có tổng điểm chuẩn tối đa là 20. Đối với điểm chuẩn tối đa cho từng tiêu chí thì dựa vào kết quả phỏng vấn và ý kiến chuyên gia, tác giả tính ra trọng số rồi nhân với điểm chuẩn chung.

Cụ thể như trình bày trong các bảng 2.1, 2.2 và 2.3 dưới đây:

Bảng 2.1. Hệ thống tiêu chí định lượng dùng cho xác định hàng hóa chủ lực

TT	Tên/nội dung tiêu chí	Ký hiệu	Điểm tối đa (P_i)
1	Tỷ trọng của hàng hóa so với toàn thành phố	R_{OV}	15
2	Hệ số địa phương hóa của hàng hóa	LQ_{ri}	14
3	Tốc độ tăng trưởng bình quân của hàng hóa	G_{rw}	13
4	Hệ số vượt trội của hàng hóa	C_{Grw}	15
5	Tỷ trọng xuất khẩu hàng hóa so với thành phố	R_{EX}	15
6	Hệ số lợi thế so sánh hiện hữu nội địa	RCA_D	14
7	Hệ số thương mại ròng của hàng hóa	NTR	14
Cộng điểm chuẩn chung (P)			100

Bảng 2.2. Hệ thống tiêu chí định lượng dùng cho xác định dịch vụ chủ lực

TT	Tên/nội dung tiêu chí	Ký hiệu	Điểm tối đa (P_i)
1	Tỷ trọng của dịch vụ so với toàn thành phố	R_{OV}	26
2	Hệ số địa phương hóa của dịch vụ	LQ_{ri}	26
3	Tốc độ tăng trưởng bình quân của dịch vụ	G_{rw}	24
4	Hệ số vượt trội của dịch vụ	C_{Grw}	24
Cộng điểm chuẩn chung (P)			100

Bảng 2.3. Hệ thống tiêu chí định tính xác định chung sản phẩm chủ lực

TT	Tên/nội dung tiêu chí	Điểm chuẩn tối đa (P_i)	
		Hàng hóa	Dịch vụ
1	Qui mô thị trường	5	5
2	Ngành phụ trợ hoặc lợi thế đặc thù về nguồn lực	4	5
3	Mức lan tỏa đến sản phẩm khác	3	4
4	An toàn và thân thiện với môi trường	5	3
5	Chính sách ưu đãi của địa phương	3	3
Cộng điểm chuẩn chung (P)		20	20

Nguồn của bảng 2.1, 2.2 và 2.3: tác giả tổng hợp và xây dựng

3.1.2. Thang điểm và phương pháp tính toán

Thang điểm được xây dựng trên cơ sở điểm chuẩn tối đa của mỗi tiêu chí. Điểm của tiêu chí định lượng được chia làm 5 mức và điểm định tính chỉ có 4 mức. Điểm chuẩn tối đa của tiêu chí được chia đều cho số mức của thang điểm. Ví dụ:

- Thang điểm định lượng hàng hóa chủ lực:

R_{OV} (%)	< 2	2 - <4	4 - < 6	6 - < 8	# 8
Điểm số	3	6	9	12	15

- Thang điểm định lượng cho dịch vụ chủ lực:

R_{OV} (%)	< 3	3 - <6	6 - < 9	9 - < 12	# 12
Điểm số	5,2	10,4	15,6	20,8	26

- Thang điểm định tính chung cho sản phẩm chủ lực

An toàn và thân thiện môi trường	Thấp	Trung bình	Cao	Rất cao
Điểm cho hàng hóa	1,25	2,50	3,75	5
Điểm cho dịch vụ	0,75	1,50	2,25	3

Sản phẩm được công nhận là sản phẩm chủ lực thành phố Cần Thơ giai đoạn 2007-2010 phải có tổng số điểm chuẩn đạt tối thiểu 70 điểm trở lên, trong đó điểm định lượng phải đạt tối thiểu 50 điểm. Sản phẩm không được công nhận là sản phẩm chủ lực thành phố Cần Thơ giai đoạn 2007-2010 là sản phẩm có tổng điểm chung dưới 70 điểm, hoặc sản phẩm có tổng điểm chung đủ 70 trở lên nhưng tiêu chí định tính dưới 10 điểm. Trường hợp sản phẩm có tổng điểm chung đủ 70 trở lên nhưng tiêu chí định tính dưới 10 điểm hoặc có tổng điểm định tính đủ 20 điểm nhưng tổng điểm chuẩn định lượng dưới 50 nhưng lớn hơn 45 thì được xem xét hỗ trợ để đủ điều kiện được công nhận. Trong trường hợp đặc biệt có thể xét công nhận mà không cần xem xét đầy đủ các tiêu chí này.

3.1.3. Xác định sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2007-2010

Áp dụng Hệ thống tiêu chí và thang điểm đánh giá, tác giả tính toán trên cơ sở số liệu thống kê hàng năm (2006-2010) và rút ra kết luận rằng, giai đoạn 2007-2010 TP. Cần Thơ có 8 ngành hàng, sản phẩm chủ lực. Cụ thể như trong bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1. Danh mục sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2007-2010

STT	Ngành nghề, loại hàng hóa, dịch vụ	Sản xuất, cung ứng			Xuất khẩu		
		GTSX (Tỷ VND)	Tỷ trọng (%)	Tăng (%)	KNXK (1000 USD)	Tỷ trọng (%)	Tăng (%)
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản						
1	Lúa gạo	5.131,0	6,09	0,94	372.700	27,04	3,28
2	Cá nuôi nước ngọt	2.803,2	4,14	30,53	441.290	42,89	30,53
II	Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng						
1	Chế biến thực phẩm	39.733,8	29,54	21,48	492.700	51,18	28,56
2	Chế biến gỗ, tre...	700.314,0	1,32	41,75	2.732	0,71	-14,07
3	Xây dựng	9.663,1	5,56	14,82	//	//	//
III	Thương mại và dịch vụ						
1	Bán lẻ hàng hóa	26.643,5	18,55	15,31	//	//	//
2	Nhà hàng, khách sạn	3.312,6	2,18	13,49	//	//	//
3	Vận tải	2.115,1	5,66	18,38	//	//	//
	Đường bộ mũi nhọn trong vận chuyển hàng khác (76,85%)						
	Đường thủy có thể mạnh trong vận chuyển hàng hóa (chiếm khoảng 60%)						

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

3.2. Phát triển sản phẩm chủ lực thành phố Cần Thơ đến năm 2020

3.2.1. Quan điểm, định hướng mục tiêu phát triển

Phát triển sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ cần dựa trên các quan điểm:

- (1) phải khai thác tốt lợi thế của địa phương kết hợp với tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài thông qua các chính sách phù hợp;
- (2) phải theo hướng tập trung phát triển công nghiệp chế biến có lợi thế về nguyên liệu; sản phẩm nông nghiệp có vị thế cạnh tranh tốt trên thị trường nội địa và xuất khẩu,
- (3) phải tạo ra môi trường đầu tư tập trung cao nhằm khai thác hiệu quả nguồn lực hiện có để tạo động lực đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa;
- (4) phải gắn với tăng cường mối liên kết 4 nhà, liên kết chuỗi sản xuất và liên kết vùng, tạo ra các khu vực sản xuất tập trung với qui mô lớn, thu hút được nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

3.2.2. Danh mục sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ đến năm 2020

Cơ sở hình thành Danh mục sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ đến năm 2020:

Một là, quan điểm, định hướng mục tiêu phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Hai là, triển vọng về cầu đối với sản phẩm chủ lực trên thị trường thế giới và

Ba là, thực tế xác định sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2007-2010.

Bảng 3.2. Danh mục sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ đến năm 2020

STT	Tên ngành, loại sản phẩm	ĐVT	2010	2015		2020	
				SL/GTSL	15/10	SL/GTSL	20/10
I	Nông nghiệp, thủy sản						
1	Lúa gạo	Tấn	1.196.807	1.253.923	1,0 lần	1.313.764	1,1 lần
2	Trái cây	Tấn	70.645	103.800	1,5 lần	152.517	2,2 lần
3	Cá nuôi nước ngọt	Tấn	172.331	301.740	1,7 lần	528.356	3,1 lần
II	Công nghiệp, xây dựng						
1	Chế biến thực phẩm	Tỷ Đg	13.052,5	34.531,7	2,6 lần	91.356,9	7,0 lần
2	Chế biến đồ uống	Tỷ Đg	665,3	1.640,4	2,5 lần	4.044,5	6,0 lần
3	Sản phẩm hóa chất	Tỷ Đg	850,4	2.548,7	3,0 lần	7.638,9	9,0 lần
4	Hóa - dược phẩm	Tỷ Đg	695,8	1.654,1	2,4 lần	3.932,4	5,6 lần
5	Điện và khí đốt	Tỷ Đg	282,7	776,3	2,7 lần	2.132,0	7,5 lần
6	Xây xát	Tấn	5.126.478	6.660.961	1,3 lần	8.654.587	1,7 lần
7	Thức ăn chăn nuôi	Tấn	371.196	625.553	1,7 lần	1.067.566	2,9 lần
8	Giống nuôi trồng	Tỷ Đg	Đáp ứng đủ nhu cầu nuôi trồng của thành phố và vùng				
III	Thương mại, dịch vụ						
1	Thương mại	Tỷ Đg	26.643,5	54.315,7	2,0 lần	110.729,0	4,1 lần
2	Nhà hàng, khách sạn	Tỷ Đg	3.312,5	6.236,5	2,0 lần	11.741,7	3,5 lần
3	Du lịch	Tỷ Đg	2.115,1	4.917,2	2,3 lần	11.431,8	5,4 lần
4	Vận tải	Tỷ Đg	62,0	217,4	3,5 lần	761,8	12,3 lần
5	Dịch vụ đào tạo	Hình thành trung tâm đào tạo nguồn lực của cả vùng					
6	Dịch vụ y tế	Hình thành trung tâm điều trị và chăm sóc sức khỏe của vùng					
7	Dịch vụ tài chính	Hình thành trung tâm tài chính lớn của vùng					
8	Dịch vụ logistics	Phấn đấu có trung tâm logistics của cả vùng					

Nguồn: Tác giả tổng hợp và đề xuất

3.2.3. Giải pháp phát triển sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ đến 2020

Để sản phẩm chủ lực thành phố Cần Thơ phát triển một cách bền vững, cần thực hiện một cách đồng bộ 7 nhóm giải pháp:

- *Nhóm giải pháp về qui hoạch.* Hình thành 4 cụm phát triển theo chuyên môn hóa: (1) cụm sản xuất lúa; (2) cụm kinh tế vườn; (3) cụm sản xuất công nghiệp và (4) cụm thương mại - dịch vụ nhằm tăng cường về qui mô số lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh và thuận tiện cho việc áp dụng khoa học, công nghệ sản xuất tiên tiến.

- *Nhóm giải pháp về liên kết.* Thiết lập cơ chế liên kết hiệu quả ở cả ba hình thức: (1) liên kết trong cụm; (2) liên kết theo chuỗi sản xuất và (3) liên kết "4 nhà" nhằm tạo ra sức mạnh cạnh tranh quốc tế, bảo đảm lợi ích chung và hạn chế rủi ro trong kinh doanh.

- *Nhóm giải pháp về khoa học và công nghệ.* Cần mạnh dạn đổi mới công nghệ và áp dụng các qui trình sản xuất tiên tiến một cách đồng bộ tại các khâu giống, nuôi trồng và chế biến, công nghệ sau thu hoạch... góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và giảm chi phí thiệt hại nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- *Nhóm giải pháp về đầu tư.* Chuyển từ đầu tư theo mảng, đoạn sang đầu tư theo chuỗi cung ứng để đảm bảo tính cân đối, đồng bộ về năng lực sản xuất, tránh tình trạng đầu tư tự phát, dàn trải hoặc chạy theo phong trào gây lãng phí vốn đầu tư.

- *Nhóm giải pháp về thị trường.* Đẩy mạnh các hoạt động quảng bá, tiếp thị và xây dựng thương hiệu cho sản phẩm nhằm giữ vững thị trường truyền thống cũng như thâm nhập nhanh vào thị trường mới.

- *Nhóm giải pháp về hạ tầng giao thông.* Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, trong đó cần phát huy thế mạnh của giao thông thủy, đây là phương thức vận tải hàng hóa hiệu quả nhất, giúp giải quyết tốt khâu lưu thông phân phối hàng hóa nông sản của TP. Cần Thơ nói riêng, đồng bằng sông Cửu Long nói chung.

- *Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực.* Đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề trong các lĩnh vực sản xuất và cán bộ quản lý đủ tầm và trình độ phù hợp để cung cấp cho các cơ sở sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ chủ lực của thành phố, nhằm nâng cao khả năng ứng dụng khoa học và sáng tạo trong sản xuất.

4. KẾT LUẬN

Sản phẩm chủ lực của TP. Cần Thơ nói chung là những ngành hàng, sản phẩm chủ yếu, thể hiện nét đặc trưng, thế mạnh của địa phương. Việc xác định sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ, trước tiên cần có Bộ tiêu chí đánh giá, xét chọn với sự đảm bảo các yêu cầu về định tính cũng như định lượng, về điều kiện cần cũng như điều kiện đủ. Với bộ tiêu chí đã có, sản phẩm chủ lực TP. Cần Thơ giai đoạn 2006-2010 được xác định có 8 ngành hàng, sản phẩm chủ lực. Đồng thời, lựa chọn được 19 ngành hàng, sản phẩm chủ lực của TP. Cần Thơ đến 2020. Trong đó, nông nghiệp - thủy sản có 3 ngành và sản phẩm; công nghiệp - xây dựng có 8 ngành và sản phẩm; thương mại - dịch vụ có 8 ngành và sản phẩm. Tuy nhiên, để sản phẩm chủ lực có điều kiện duy trì và phát triển một cách bền vững, thành phố cần thực hiện đầy đủ và đồng bộ 7 nhóm giải pháp chủ yếu: qui hoạch vùng chuyên canh - chuyên môn hóa; tăng cường các mối liên kết; đổi mới tư duy và phương pháp đầu tư; ứng dụng và phát triển công nghệ mới; nâng cấp hạ tầng giao thông; tiếp cận thị trường và đào tạo nguồn nhân lực cho sản xuất ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Chương trình Phát triển các sản phẩm công nghiệp chủ lực của tỉnh Bến Tre giai đoạn 2007-2010* (Số 832/QĐ-UBND ngày 29/5/2007 của UBND tỉnh Bến Tre)
- [2] *Chương trình Hỗ trợ phát triển các sản phẩm chủ lực tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2009-2015* (Số 20/2009/QĐ-UBND ngày 03/8/2009 của UBND tỉnh Tiền Giang)
- [3] G.Aru INAL (2003), *A study into competitiveness indicators*, REF Nov 2003
- [4] Christian H. M. Ketels (2003), *The Development of the cluster concept - present experiences and further developments*, Duisburg, Germany 5 Dec 2003
- [5] Michael E. Porter (2009), *Lợi thế cạnh tranh quốc gia - Competitive Advantage of Nations*, NXB Trẻ